

**CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO VÀ NỘI THẤT ART NGUYỄN ĐẠT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO VÀ NỘI THẤT ART NGUYỄN ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702869910

**3. Ngày thành lập:** 27/04/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

373 Nguyễn Chí Thanh, Khu 7, Phường Tương Bình Hiệp, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                    | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                            | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                      | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                | 4211     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                 | 4212     |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                     | 4221     |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                          | 4222     |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                           | 4223     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                            | 4229     |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                     | 4291     |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                              | 4292     |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                        | 4293     |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                   | 4299     |
| 13. | Phá dỡ                                                                                       | 4311     |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                            | 4312     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                        | 4321     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                        | 4322     |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                               | 4329     |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                               | 4330     |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                          | 4390     |
| 20. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                      | 4663     |
| 21. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết : Thiết kế xây dựng; Hoạt động trang trí nội thất | 7410     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7110        |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn thiết bị cứu nạn, cứu hộ, thiết bị phương tiện phòng cháy chữa cháy<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy chế biến gỗ | 4659        |
| 24. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4662        |
| 25. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2592        |
| 26. | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4633        |
| 27. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4649        |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4933        |
| 29. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7710        |
| 30. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7730        |
| 31. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>Chi tiết: Hoạt động điêu khắc                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 9000        |
| 32. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình<br>Chi tiết: Sửa chữa điện lạnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 9522        |
| 33. | Sửa chữa thiết bị điện<br>Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì điện dân dụng và công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3314        |
| 34. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ (tủ, bàn, ghế); Gia công sơn đồ gỗ thành phẩm (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)                                                                                                                                                                                                                                       | 3100        |
| 35. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn bất động sản (trừ môi giới bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                            | 6820        |
| 36. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết: Sản xuất gia công sản phẩm từ tre, nứa, rom rạ (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)                                                                                                                                                                                          | 1629        |
| 37. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4931        |
| 38. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4932        |
| 39. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310(Chính) |
| 40. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4752        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 41. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 42. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                     | 4651 |
| 43. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652 |
| 44. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 45. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 46. | In ấn<br>Chi tiết: In kỹ thuật số, in máy vi tính, in nhãn hiệu hoặc thẻ, in ấn mục lục quảng cáo, tờ quảng cáo và ấn phẩm quảng cáo khác                               | 1811 |
| 47. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                | 1812 |
| 48. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                               | 9511 |
| 49. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                    | 5629 |
| 50. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610 |
| 51. | Hoạt động xuất bản khác<br>Chi tiết: Thiệp chúc mừng; mẫu đơn; áp phích quảng cáo, các bản sao chép tác phẩm nghệ thuật; tài liệu quảng cáo và các tài liệu in ấn khác  | 5819 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

#### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HUỖNH THỊ HỒNG ANH | Khu 10, Phường Chánh Nghĩa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam         | 1.200.000.000         | 40,000    | 280330067                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN MINH ĐẠT    | Khu 3, Phường Tương Bình Hiệp, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam      | 1.800.000.000         | 60,000    | 280747017                                                                                                                                         |         |

#### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 22/11/1981

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 280747017

Ngày cấp: 25/10/2016      Nơi cấp: Công an Bình Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu 3, Phường Tương Bình Hiệp, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Khu 3, Phường Trương Bình Hiệp, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương